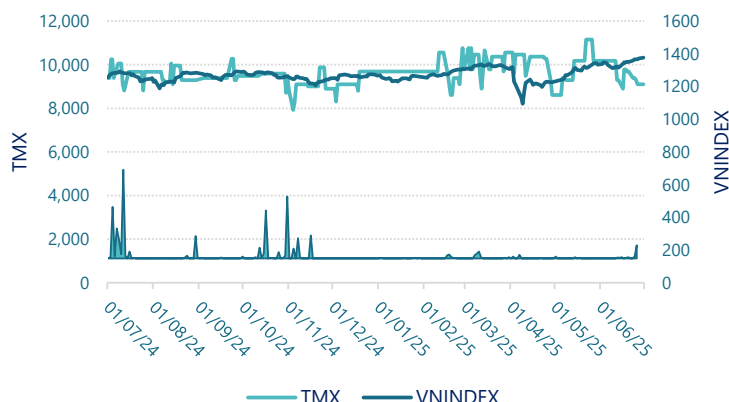


CTCP VICEM Thương mại Xi măng (HNX: TMX)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 30/06/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	9,300
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	11,149
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	7,922
SL cổ phiếu LH	6,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	8,665
% sở hữu nước ngoài	2.7%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	56
P/E	62.1
EPS	150

DT thuần

Q2/25

150

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 62.9 | 72.3%

YoY: ▲ 4.00 | 2.8%

LN sau thuế

Q2/25

2.17

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 3.56 | 256%

YoY: ▲ 0.35 | 19.3%

Tỷ suất lãi EBIT

Q2/25

1.6%

+/- YoY: ▲ 0.1%

DT thuần

6T 2025

237

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 15.0 | 6.8%

LN sau thuế

6T 2025

0.78

tỷ VNĐ

YoY: ▼ 0.39 | -32.9%

ROE

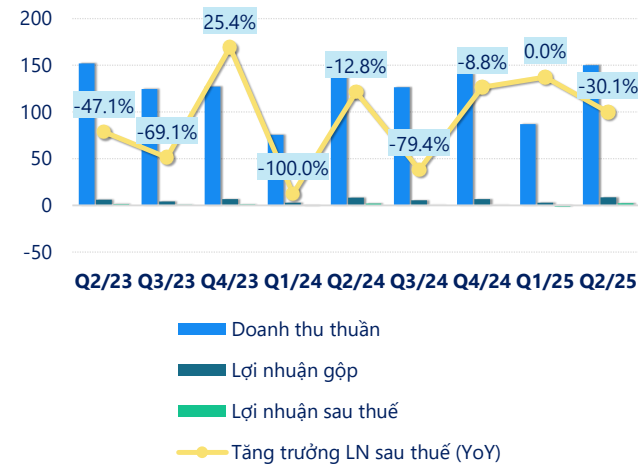
Q2/25

1.0%

+/- YoY: ▼ 1.9%

tỷ VNĐ

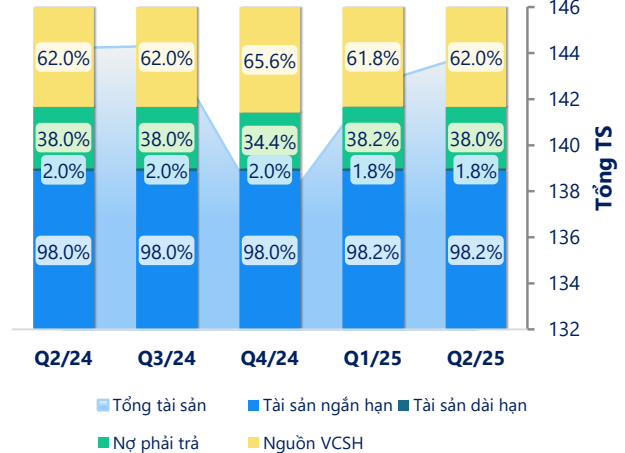
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

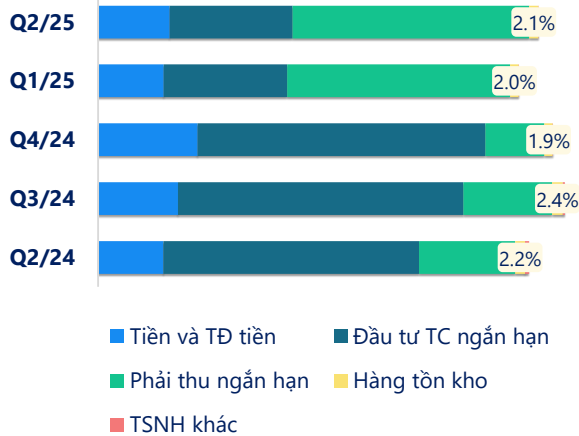
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



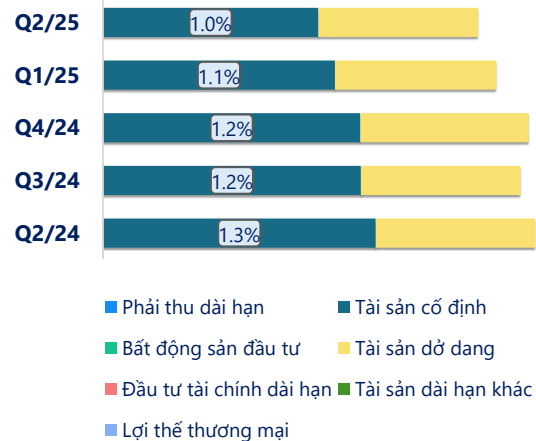
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

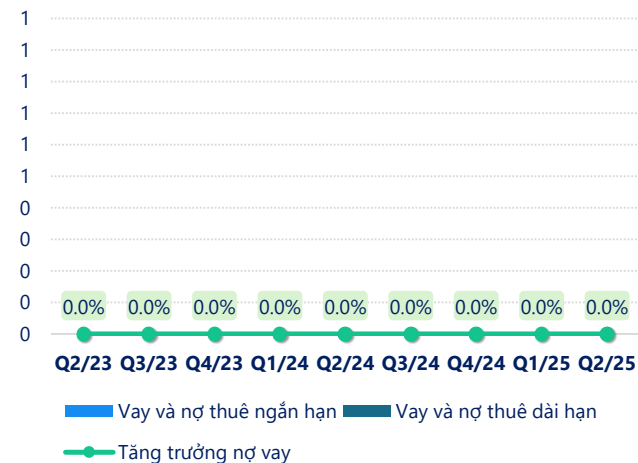
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

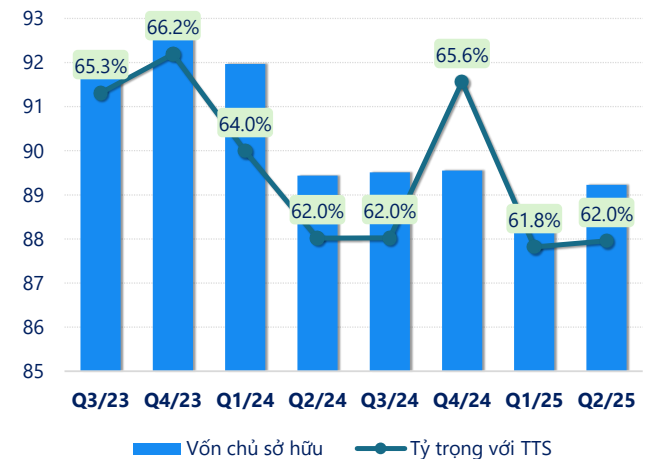
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

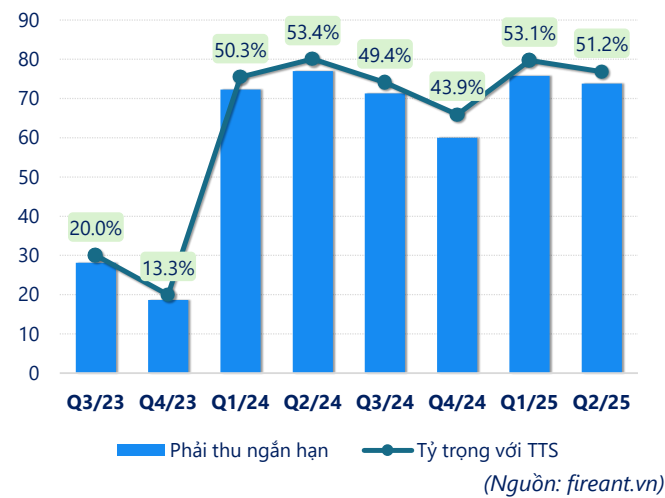
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu

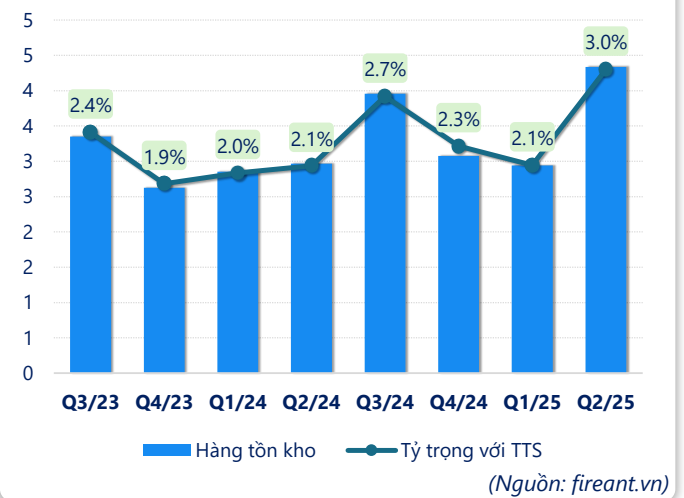


(Nguồn: fireant.vn)

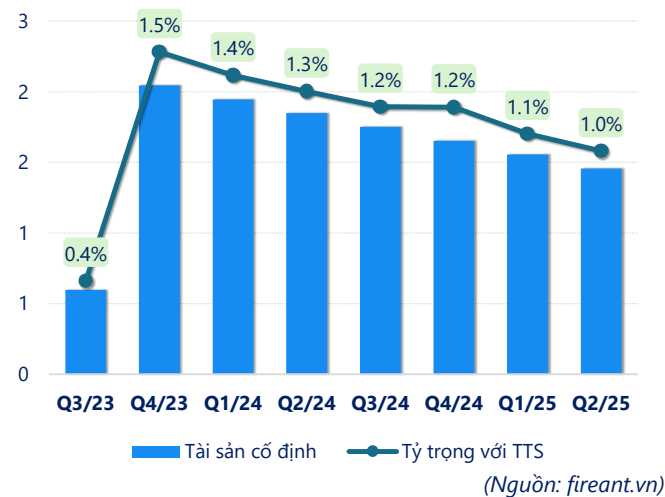
tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


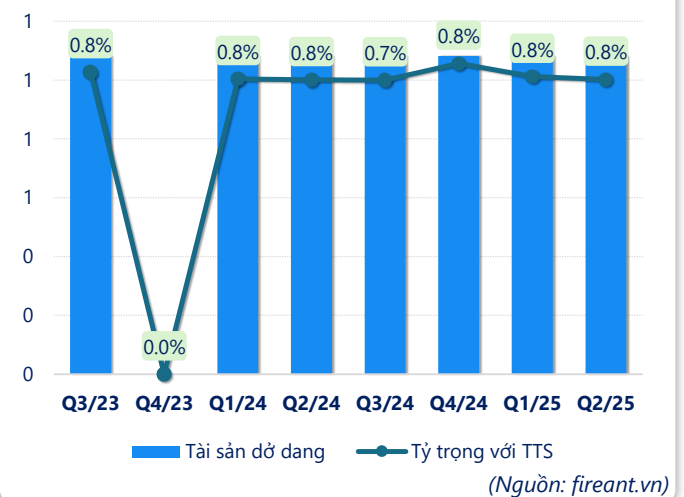
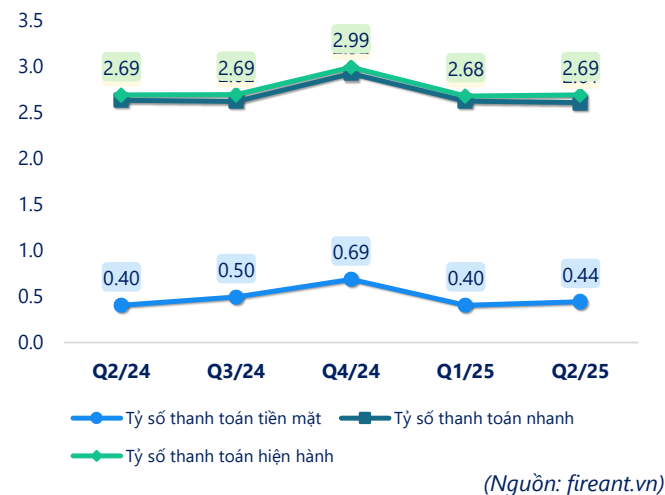
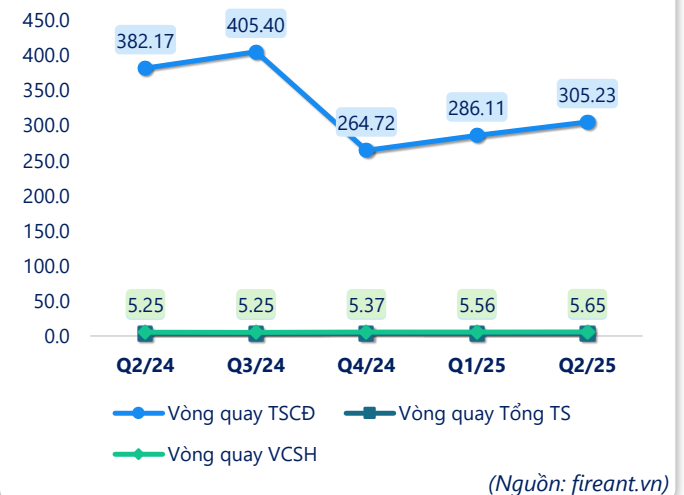
tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


tỷ VNĐ

Tài sản cố định


tỷ VNĐ

Tài sản dở dang

Chỉ số thanh khoản

Vòng quay tài sản


CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Tổng tài sản	144	144	137	143	144
Tài sản ngắn hạn	141	141	134	140	141
Tiền và tương đương tiền	21.3	26.0	30.7	21.2	23.3
Đầu tư tài chính ngắn hạn	40.0	40.0	40.0	40.0	40.0
Phải thu ngắn hạn	77.0	71.3	60.0	75.8	73.8
Hàng tồn kho	2.97	3.96	3.08	2.94	4.33
Tài sản ngắn hạn khác	0.05	0.21	0.08	0.10	0.06
Tài sản dài hạn	2.93	2.83	2.73	2.64	2.54
Phải thu dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản cố định	1.85	1.75	1.65	1.56	1.46
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	1.08	1.08	1.08	1.08	1.08
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	0	0	0	0	0
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	54.8	54.8	47.0	54.5	54.8
Nợ ngắn hạn	52.5	52.5	44.7	52.3	52.6
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải trả người bán ngắn hạn	36.7	35.0	26.4	39.1	38.2
Nợ dài hạn	2.24	2.29	2.29	2.19	2.19
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	89.4	89.5	89.5	88.2	89.2
Vốn chủ sở hữu	89.4	89.5	89.5	88.2	89.2
Vốn điều lệ	60.0	60.0	60.0	60.0	6.00
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)